

**BIÊN BẢN**

**Về việc niêm yết công khai thực hiện chế độ cho giáo viên dạy học sinh khuyết tật  
Học kỳ II năm học 2022 - 2023**

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục Đào tạo “*V/v ban hành quy chế thực hiện công khai đối với giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân*”;

Thực hiện theo Nghị định 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của người khuyết tật, Công văn số 1874/SGD&ĐT - GDTH, và 2388/SGD&ĐT - GDTH của Sở giáo dục đào tạo Quảng Ninh hướng dẫn thực hiện khoản 1, điều 7, Nghị định 28/2012/NĐ-CP

Căn cứ quyết định số 11436/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND Thành phố Uông Bí “Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển KT-XH; Dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023”;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-PGD&ĐT của Phòng Giáo dục và đào tạo Uông Bí ngày 03/01/2023 “Về việc giao dự toán thu – chi ngân sách nhà nước năm 2023”;

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-PGD&ĐT của Phòng Giáo dục và đào tạo Uông Bí ngày 03/01/2023 “Về việc điều chỉnh giảm và cấp dự toán kinh phí không tự chủ năm 2023”;

Căn cứ quyết định số 05/QĐ-THTHĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023 “Về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023” của Trường tiểu học Trần Hưng Đạo.

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của phòng Giáo dục và đào tạo về việc thực hiện chi trả cho giáo viên dạy học sinh khuyết tật.

Hôm nay, vào hồi 08h30' ngày 01/06/2023, Trường TH Trần Hưng Đạo, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí tổ chức niêm yết công khai thực hiện chế độ cho giáo viên dạy học sinh khuyết tật kỳ II năm học 2022 - 2023 của Trường TH Trần Hưng Đạo.

**1. Thành phần:**

**1. Thành phần:**

- Toàn bộ CB - GV - NV nhà trường: 25/25 đ/c;
- Chủ trì: Đ/c: Nguyễn Hữu Lam - Chức vụ: Hiệu trưởng
- Đại diện Công đoàn: Đ/c: Hà Kiên Định - Chức vụ: PHT + CT công đoàn
- Đại diện tài chính: Đ/c: Phạm Thu Hà - Chức vụ: Kế toán
- Người ghi biên bản: Đ/c: Phạm Thị Ngọc - Chức vụ: Trưởng ban thanh tra nhân dân.



## 2. Nội dung:

2.1. Tiến hành niêm yết công khai thực hiện chế độ chính sách về công khai thực hiện chế độ cho giáo viên dạy học sinh khuyết tật học kỳ II năm học 2022 - 2023 (theo biểu đính kèm)

2.2. Thời gian niêm yết 30 ngày: kể từ ngày 01/6/2023 đến hết ngày 01/7/2023.

2.3. Địa điểm niêm yết: Tại bảng Thông báo của Trường TH Trần Hưng Đạo, phường Thanh Sơn, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

3. Trong thời gian niêm yết, nếu tổ chức, cá nhân nào có ý kiến về nội dung công khai thực hiện chế độ cho giáo viên dạy học sinh khuyết tật học kỳ II năm học 2022-2023 của Trường TH Trần Hưng Đạo, đề nghị gửi kiến nghị về trường (qua đ/c: Phạm Thị Ngọc - Chức vụ: Trường ban thanh tra nhân dân) để tổng hợp, báo cáo và giải quyết theo quy định.

Đề nghị bộ phận Bảo vệ của trường thực hiện việc bảo đảm an toàn bản công khai thực hiện chế độ cho giáo viên dạy học sinh khuyết tật học kỳ II năm học 2022 - 2023 của trường từ khi niêm yết đến khi kết thúc niêm yết.

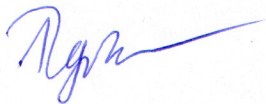
Việc tiến hành niêm yết công khai được kết thúc vào hồi 09h ngày cùng ngày. Biên bản niêm yết đã được đọc lại cho những người có mặt nghe, thống nhất nội dung và ký nhận.

Biên bản được lập thành 02 (hai) bản, 01 bản niêm yết công khai; 01 bản để lưu hồ sơ tại bộ phận kế toán/.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN ĐẠI DIỆN CÔNG ĐOÀN

KẾ TOÁN

CHỦ TRÌ



Phạm Thị Ngọc



Hà Kiên Định



Phạm Thu Hà



Nguyễn Hữu Lam



Số: **95**/QĐ-THTHĐ

Uông Bí, ngày 01 tháng 6 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai thực hiện chế độ cho giáo viên dạy học sinh khuyết tật  
Học kỳ II năm học 2022 - 2023**

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục Đào tạo “V/v ban hành quy chế thực hiện công khai đối với giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân”;

Thực hiện theo Nghị định 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của người khuyết tật, Công văn số 1874/SGD&ĐT - GDTH, và 2388/SGD&ĐT - GDTH của Sở giáo dục đào tạo Quảng Ninh hướng dẫn thực hiện khoản 1, điều 7, Nghị định 28/2012/NĐ-CP

Căn cứ quyết định số 11436/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND Thành phố Uông Bí “Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển KT-XH; Dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023”;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-PGD&ĐT của Phòng Giáo dục và đào tạo Uông Bí ngày 03/01/2023 “Về việc giao dự toán thu – chi ngân sách nhà nước năm 2023”;

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-PGDĐT của Phòng Giáo dục và đào tạo Uông Bí ngày 03/01/2023 “Về việc điều chỉnh giảm và cấp dự toán kinh phí không tự chủ năm 2023”;

Căn cứ quyết định số 05/QĐ-THTHĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023 “Về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023” của Trường tiểu học Trần Hưng Đạo.

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của phòng Giáo dục và đào tạo về việc thực hiện chi trả cho giáo viên dạy học sinh khuyết tật.

Xét đề nghị của viên chức phụ trách kế toán về việc công khai thực hiện chế độ cho giáo viên dạy học sinh khuyết tật học kỳ II năm học 2022 - 2023 theo thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục Đào tạo.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai chế độ cho giáo viên dạy học sinh khuyết tật học kỳ II năm học 2022 - 2023 của Trường TH Trần Hưng Đạo (theo các biểu đính kèm)

**Điều 2.** Thời gian công khai kể từ ngày 01/6/2023 đến hết ngày 01/7/2023.

**Điều 3.** Các ông (bà) trong Ban giám hiệu, tổ tài vụ, các tổ chuyên môn và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- CB, GV, NV;
- Lưu.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**



**Nguyễn Hữu Lam**





Người ký: Đinh Tiến Quân  
Ngày ký: 31/05/2023 15:06:08  
Chức danh: Trưởng phòng  
Đơn vị: KBNN Ưông Bí - Quảng  
Ninh  
Nội dung: Đã hoàn thành thanh  
toán

Mẫu số 16a1  
Ký hiệu C2-02a/NS

Số: RDT70/ 230531\_1093960\_2812007  
Năm NS: 2023

## GIẤY RÚT DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Thực chi ☒ Tạm ứng ☐ Chuyển khoản ☒  
Tiền mặt tại KB ☐  
Tiền mặt tại NH ☐

Đơn vị rút dự toán: Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo

Tài khoản: 9527.3.1093960

Tại KBNN: KBNN Ưông Bí - Quảng Ninh

Tên CTMT, DA:

Mã CTMT, DA:

Số CKC, HĐK:

Số CKC, HĐTH:

| Nội dung thanh toán                                                                                      | Mã NDKT | Mã chương | Mã ngành<br>KT | Mã nguồn<br>NSNN | Số tiền    |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-----------|----------------|------------------|------------|
| (1)                                                                                                      | (2)     | (3)       | (4)            | (5)              | (6)        |
| Thanh toán tiền phụ cấp ưu đãi cho giáo viên<br>dạy học sinh khuyết tật học kỳ II năm học 2022 -<br>2023 | 6149    | 622       | 072            | 12               | 89.398.852 |
| Tổng cộng                                                                                                |         |           |                |                  | 89.398.852 |

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Tám mươi chín triệu ba trăm chín mươi tám nghìn tám trăm năm mươi hai đồng chẵn./.

Đơn vị nhận tiền: Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo

Địa chỉ: Tổ 4, khu 9, Thanh Sơn, Ưông Bí, Quảng Ninh

Tài khoản: 129000068496

Tại KBNN (NH): Ngân hàng TMCP Công thương Việt  
Nam - chi nhánh Ưông Bí - Quảng Ninh

Hoặc người nhận tiền:

Số CMND:

Cấp ngày:

Nơi cấp:

### PHẦN KBNN GHI

Nợ TK:  
Có TK:  
Nợ TK:  
Có TK:  
Nợ TK:  
Có TK:  
Mã ĐBHC:

Ngày...tháng...năm ...

Người nhận tiền

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 05 năm 2023

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người ký: Phạm Thu Hà  
Ngày ký: 31/05/2023 09:30:22  
Chức danh: Kế toán trưởng  
Đơn vị: Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo

Phạm Thu Hà

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Người ký: Nguyễn Hữu Lam  
Ngày ký: 31/05/2023 09:39:14  
Chức danh: Chủ tài khoản  
Đơn vị: Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo

Nguyễn Hữu Lam

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 31 tháng 05 năm 2023

Thủ quỹ

Kế toán

Kế toán trưởng

Giám đốc

Người ký: Đinh Tiến Quân  
Ngày ký: 31/05/2023 13:45:34  
Chức danh: Trưởng phòng  
Đơn vị: KBNN Ưông Bí - Quảng Ninh

Đinh Tiến Quân

Người ký: Vũ Văn Sáu  
Ngày ký: 31/05/2023 14:02:12  
Chức danh: Phó giám đốc  
Đơn vị: KBNN Ưông Bí - Quảng  
Ninh

Vũ Văn Sáu



Mẫu số: 07

Mã hiệu: .....

Số: 70.....

**BẢNG KÊ NỘI DUNG THANH TOÁN/TẠM ỨNG**

(Kèm theo Giấy rút dự toán, Ủy nhiệm chi, Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng số 70 Năm ngân sách 2023)

Đơn vị sử dụng Ngân sách: Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo

Thanh toán trực tiếp ☒

Mã đơn vị: 1093960

Tạm ứng ☐

Mã nguồn: 12

Thu hồi tạm ứng ☐

Mã CTMTQG, Dự án ODA: .....

| STT                   | Hóa đơn |                  | Chứng từ |                  | Mã NDKT | Nội dung chi                                                                                       | Số tiền  |          |                 |            |
|-----------------------|---------|------------------|----------|------------------|---------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|-----------------|------------|
|                       | Số      | Ngày /tháng /năm | Số       | Ngày /tháng /năm |         |                                                                                                    | Số lượng | Định mức | Đơn giá thực tế | Thành tiền |
| (1)                   | (2)     | (3)              | (4)      | (5)              | (6)     | (7)                                                                                                | (8)      | (9)      | (10)            | (11=8*10)  |
|                       |         |                  |          |                  | 6100    | 070-072                                                                                            |          |          |                 | 89.398.852 |
| 1                     |         |                  | RDT70    | 31/05/2023       | 6149    | Thanh toán tiền phụ cấp ưu đãi cho giáo viên dạy học sinh khuyết tật học kỳ II năm học 2022 - 2023 |          |          |                 | 89.398.852 |
|                       |         |                  |          |                  |         | Cộng tiểu mục 6149                                                                                 |          |          |                 | 89.398.852 |
| Tổng số tiền bằng số: |         |                  |          |                  |         |                                                                                                    |          |          |                 | 89.398.852 |

Tổng số tiền bằng chữ: Tám mươi chín triệu ba trăm chín mươi tám nghìn tám trăm năm mươi hai đồng chẵn

Trong đó: Số thu hồi tạm ứng:

Số thanh toán: 89.398.852

**Kế toán trưởng**

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

**Phạm Thu Hà**

Thanh Sơn, ngày 31 tháng 5 năm 2023

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Nguyễn Hữu Lam**



PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP UÔNG BÍ  
TRƯỜNG TH TRẦN HUNG ĐẠO

Biểu 02

**BẢNG THANH TOÁN TIỀN PHỤ CẤP CHO GIÁO VIÊN DẠY TRẺ KHUYẾT TẬT HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022 - 2023**  
(THỰC HIỆN THEO THÔNG TƯ 28/2012/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ)

DVT: Đồng

| STT | Họ và tên            | Chức vụ        | Lớp (Học kỳ II năm học 2022 -2023) |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     | Tổng số tiết HK II (2022 - 2023) | Số tiền 01 giờ dạy | Hệ số được hưởng | Thành tiền HK II (2022 - 2023) | Ghi chú   |
|-----|----------------------|----------------|------------------------------------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|----------------------------------|--------------------|------------------|--------------------------------|-----------|
|     |                      |                | 1A1                                | 1A3 | 2A1 | 2A2 | 2A3 | 3A1 | 3A2 | 3A3 | 4A1 | 5A1 | 5A2 | 5A3 |                                  |                    |                  |                                |           |
| 1   | Nguyễn Hữu Lam       | Hiệu trưởng    |                                    |     |     |     |     | 2   | 7   |     |     |     |     |     | 9                                | 95.784             | 0,2              | 172.410                        | 693.113   |
|     |                      |                |                                    |     |     |     |     | 16  | 11  |     |     |     |     |     | 27                               | 96.426             | 0,2              | 520.703                        |           |
| 2   | Hà Kiên Định         | P. Hiệu trưởng |                                    | 18  | 18  | 18  |     |     |     | 18  |     |     |     |     | 72                               | 92.764             | 0,2              | 1.335.797                      |           |
| 3   | Nguyễn Thị Thu Hà    | Giáo viên      |                                    |     |     |     | 21  |     |     |     | 28  | 28  | 28  | 28  | 133                              | 110.545            | 0,2              | 2.940.498                      | 7.896.979 |
|     |                      |                |                                    |     |     |     | 33  |     |     |     | 44  | 44  | 44  | 44  | 209                              | 118.576            | 0,2              | 4.956.481                      |           |
| 4   | Phạm Thị Thiêm       | Giáo viên      |                                    |     | 147 |     |     |     |     |     |     |     |     |     | 147                              | 110.237            | 0,2              | 3.240.970                      | 8.121.528 |
|     |                      |                |                                    |     | 220 |     |     |     |     |     |     |     |     |     | 220                              | 110.922            | 0,2              | 4.880.558                      |           |
| 5   | Tạ Thị Thanh Huệ     | Giáo viên      | 5                                  | 7   | 7   | 7   | 7   | 7   | 7   | 7   | 7   | 7   | 7   | 7   | 82                               | 82.942             | 0,2              | 1.360.243                      | 3.564.309 |
|     |                      |                | 11                                 | 11  | 11  | 11  | 11  | 11  | 11  | 11  | 11  | 11  | 11  | 11  | 132                              | 83.487             | 0,2              | 2.204.066                      |           |
| 6   | Hoàng Thị Hạnh       | Giáo viên      | 15                                 | 7   | 14  | 21  | 14  | 7   | 7   | 7   | 14  | 14  | 7   | 14  | 141                              | 82.942             | 0,2              | 2.338.955                      | 6.196.070 |
|     |                      |                | 33                                 | 11  | 22  | 33  | 22  | 11  | 11  | 11  | 22  | 22  | 11  | 22  | 231                              | 83.487             | 0,2              | 3.857.115                      |           |
| 7   | Lưu Thị Thanh Phương | Giáo viên      |                                    |     |     |     |     |     |     |     |     | 367 |     |     | 367                              | 87.307             | 0,2              | 6.408.336                      |           |
| 8   | Phạm Thị Ngọc        | Giáo viên      | 11                                 | 22  | 11  | 11  | 11  | 11  | 11  | 11  | 11  | 11  | 11  | 11  | 143                              | 86.709             | 0,2              | 2.479.878                      |           |
| 9   | Nguyễn Thị Thanh Nga | Giáo viên      |                                    |     |     |     | 385 |     |     |     |     |     |     |     | 385                              | 71.687             | 0,2              | 5.519.933                      |           |
| 10  | Đặng Thị Nhung       | Giáo viên      | 32                                 | 36  | 36  | 36  | 36  | 36  | 36  | 36  | 36  | 36  | 36  | 36  | 428                              | 72.683             | 0,2              | 6.221.673                      |           |



| STT | Họ và tên             | Chức vụ              | Lớp (Học kỳ II năm học 2022 - 2023) |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     | Tổng số tiết HK II (2022 - 2023) | Số tiền 01 giờ dạy | Hệ số được hưởng | Thành tiền HK II (2022 - 2023) | Ghi chú   |
|-----|-----------------------|----------------------|-------------------------------------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|----------------------------------|--------------------|------------------|--------------------------------|-----------|
|     |                       |                      |                                     | 1A3 | 2A1 | 2A2 | 2A3 | 3A1 | 3A2 | 3A3 | 4A1 | 5A1 | 5A2 | 5A3 |                                  |                    |                  |                                |           |
| 11  | Lê Thị Thanh Thúy     | Giáo viên            |                                     |     |     |     |     |     |     |     | 215 |     |     |     | 215                              | 57.479             | 0,2              | 2.471.602                      | 4.231.102 |
|     |                       |                      |                                     |     |     |     |     |     |     |     | 152 |     |     |     | 152                              | 57.878             | 0,2              | 1.759.500                      |           |
| 12  | Bùi Thị Thùy Liên     | Giáo viên + T.trưởng |                                     | 356 |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     | 356                              | 60.927             | 0,2              | 4.337.970                      |           |
| 13  | Trần Thị Huệ          | Giáo viên + T.trưởng |                                     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     | 349 | 349                              | 60.927             | 0,2              | 4.252.673                      |           |
| 14  | Phạm Thị Nhung        | Giáo viên            |                                     |     |     |     |     |     | 367 |     |     |     |     |     | 367                              | 57.479             | 0,2              | 4.218.967                      |           |
| 15  | Trần Thị Tuyết Mai    | Giáo viên + T.Phó    |                                     |     |     |     |     |     |     | 367 |     |     |     |     | 367                              | 50.254             | 0,2              | 3.688.634                      |           |
| 16  | Vũ Thị Kim Dung       | Giáo viên            |                                     |     |     | 367 |     |     |     |     |     |     |     |     | 367                              | 45.612             | 0,2              | 3.347.916                      |           |
| 17  | Bùi Cẩm Trang         | Giáo viên            |                                     |     |     |     |     |     |     |     |     |     | 385 |     | 385                              | 47.227             | 0,2              | 3.636.442                      |           |
| 18  | Bùi Thị Chiến         | Giáo viên            |                                     |     |     |     |     | 367 |     |     |     |     |     |     | 367                              | 41.575             | 0,2              | 3.051.641                      |           |
| 19  | Nguyễn Thị Hồng Nhung | Giáo viên            | 325                                 |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     |     | 325                              | 47.227             | 0,2              | 3.069.724                      |           |
| 20  | Trần Thị Thu Nga      | Giáo viên            | 32                                  | 54  | 54  | 36  |     | 72  | 72  | 72  |     |     |     |     | 392                              | 90.895             | 0,2              | 7.126.167                      |           |
|     | Tổng cộng             |                      | 464                                 | 522 | 540 | 540 | 540 | 540 | 540 | 540 | 540 | 540 | 540 | 522 | 6.368                            |                    |                  | 89.398.852                     |           |

Bằng chữ: Tám mươi chín triệu ba trăm chín mươi tám nghìn tám trăm năm mươi hai đồng./.

Ngày... 29... tháng 5.... năm 2023

Kế toán



Phạm Thu Hà

Hiệu trưởng



Nguyễn Hữu Lam



PHÒNG GD&ĐT TP UÔNG BÍ

TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO

**BẢNG THANH TOÁN TIỀN PHỤ CẤP DẠY TRẺ KHUYẾT TẬT CHO GIÁO VIÊN  
HỌC KỲ II, NĂM HỌC: 2022 - 2023**

| STT | HỌ VÀ TÊN             | SỐ TÀI KHOẢN | TIỀN PC KHUYẾT TẬT<br>HỌC KỲ II, NĂM HỌC:<br>2022 - 2023 | GHI CHÚ |
|-----|-----------------------|--------------|----------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYEN HUU LAM        | 104001655889 | 693.113                                                  |         |
| 2   | HA KIEN DINH          | 102006463210 | 1.335.797                                                |         |
| 3   | NGUYEN THI THU HA     | 104868760707 | 7.896.979                                                |         |
| 4   | PHAM THI THIEM        | 107004560064 | 8.121.528                                                |         |
| 5   | TA THI THANH HUE      | 100868760714 | 3.564.309                                                |         |
| 6   | HOANG THI HANH        | 109004560062 | 6.196.070                                                |         |
| 7   | LUU THI THANH PHUONG  | 108005996347 | 6.408.336                                                |         |
| 8   | PHAM THI NGOC         | 103868760708 | 2.479.878                                                |         |
| 9   | NGUYEN THI THANH NGA  | 108006097968 | 5.519.933                                                |         |
| 10  | DANG THI NHUNG        | 108868760716 | 6.221.673                                                |         |
| 11  | LE THI THANH THUY     | 103868760693 | 4.231.102                                                |         |
| 12  | BUI THI THUY LIEN     | 103004121483 | 4.337.970                                                |         |
| 13  | TRAN THI HUE          | 102868760724 | 4.252.673                                                |         |
| 14  | PHAM THI NHUNG        | 105868760691 | 4.218.967                                                |         |
| 15  | TRAN THI TUYET MAI    | 104006267645 | 3.688.634                                                |         |
| 16  | VU THI KIM DUNG       | 100868760696 | 3.347.916                                                |         |
| 17  | BUI CAM TRANG         | 108869057570 | 3.636.442                                                |         |
| 18  | BUI THI CHIEN         | 109870047008 | 3.051.641                                                |         |
| 19  | NGUYEN THI HONG NHUNG | 106867822045 | 3.069.724                                                |         |
| 20  | TRAN THI THU NGA      | 108002161656 | 7.126.167                                                |         |
|     | <b>TỔNG CỘNG</b>      |              | <b>89.398.852</b>                                        |         |

Ngày 31.. tháng 5.... năm 2023

XÁC NHẬN BÊN NH CÔNG THƯƠNG

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH



KÊ TOÁN

*Quanh*

Phạm Thu Hà

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Lam



**BIÊN BẢN**

**Về việc kết thúc niêm yết công khai thực hiện chế độ cho giáo viên dạy học sinh  
khuyết tật**

**Học kỳ II năm học 2022 - 2023**

Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục Đào tạo “*V/v ban hành quy chế thực hiện công khai đối với giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân*”;

Thực hiện theo Nghị định 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của người khuyết tật, Công văn số 1874/SGD&ĐT - GDTH, và 2388/SGD&ĐT - GDTH của Sở giáo dục đào tạo Quảng Ninh hướng dẫn thực hiện khoản 1, điều 7, Nghị định 28/2012/NĐ-CP.

Căn cứ quyết định số 11436/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND Thành phố Uông Bí “Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển KT-XH; Dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2023”;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-PGD&ĐT của Phòng Giáo dục và đào tạo Uông Bí ngày 03/01/2023 “Về việc giao dự toán thu – chi ngân sách nhà nước năm 2023”;

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-PGDĐT của Phòng Giáo dục và đào tạo Uông Bí ngày 03/01/2023 “Về việc điều chỉnh giảm và cấp dự toán kinh phí không tự chủ năm 2023”;

Căn cứ quyết định số 05/QĐ-THTHĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023 “Về việc ban hành quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023” của Trường tiểu học Trần Hưng Đạo.

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của phòng Giáo dục và đào tạo về việc thực hiện chi trả cho giáo viên dạy học sinh khuyết tật.

Hôm nay, vào hồi 8h30' ngày 03/7/2023, tại phòng họp của Trường TH Trần Hưng Đạo.

**1. Thành phần:**

- Toàn bộ CB - GV - NV nhà trường: 25/25 đ/c;
- Chủ trì: Đ/c: Nguyễn Hữu Lam - Chức vụ: Hiệu trưởng
- Đại diện Công đoàn: Đ/c: Hà Kiên Định - Chức vụ: PHT + CT công đoàn
- Đại diện tài chính: Đ/c: Phạm Thu Hà - Chức vụ: Kế toán
- Người ghi biên bản: Đ/c: Phạm Thị Ngọc - Chức vụ: Trưởng ban thanh tra nhân dân.

**2. Nội dung:**

Tiến hành lập biên bản kết thúc việc niêm yết công khai thực hiện chế độ cho giáo viên dạy học sinh khuyết tật Học kỳ II năm học 2022 - 2023 của Trường TH Trần Hưng Đạo.



Trong thời gian niêm yết: kể từ ngày 01/6/2023 đến hết ngày 01/7/2023, không có tổ chức, cá nhân nào có ý kiến về nội dung công khai thực hiện chế độ cho giáo viên dạy học sinh khuyết tật Học kỳ II năm học 2022 - 2023 của Trường TH Trần Hưng Đạo.

Việc tiến hành kết thúc niêm yết công khai được hoàn thành vào hồi 9h30' ngày 03/7/2023. Biên bản niêm yết đã được đọc lại cho những người có mặt nghe, thống nhất nội dung và ký nhận.

Biên bản được lập thành 02 (hai) bản để lưu hồ sơ tại trường và công khai.

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN ĐẠI DIỆN CÔNG ĐOÀN

KẾ TOÁN

CHỦ TRÌ

Phạm Thị Ngọc



Hà Kiên Định

Phạm Thu Hà



Nguyễn Hữu Lam

